TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 8 - 2023

V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nhật Tiến
2. Ông Nguyễn Văn Kiên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Kim Ni - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lâm Vinh H, sinh năm 1991; nơi cư trú: 2513 HOOK LEFT DR, HOUSTON, TX G, Hoa Kỳ. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Lê Thị Như Q, sinh năm 1995; nơi cư trú: Số E đường P, khóm A, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 28/4/2023, đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 17/7/2023, nguyên đơn Lâm Vinh H1 trình bày như sau:*

Vào năm 2017, sau thời gian tìm hiểu anh H1 và chị Q tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 30/3/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về cuộc sống, nuôi dạy con chung nên thường xuyên cãi nhau, đến cuối năm 2021 vợ chồng ly thân cho đến nay. Cuối năm 2021, anh H1 sang định cư tại Hoa Kỳ và vợ chồng không

còn liên lạc với nhau cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn sống gần nhau nên anh H1 yêu cầu được ly hôn với chị Q.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lâm Thiên N, sinh ngày 13/6/2019, hiện do chị Q đang nuôi dưỡng. Anh H1 đồng ý giao con chung cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn Lê Thị Như Q: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa anh H1 và chị Q là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với nhau thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam.

Nguyên đơn Lâm Vinh H1 có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn Lê Thị Như Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản ý kiến. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo Trích lục kết hôn số 07/TLKH-BS ngày 28/4/2023 thể hiện giữa anh H1 và chị Q đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 30/3/2017; do đó, hôn nhân giữa anh H1 và chị Q là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh H1 và chị Q chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, theo anh H1 nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về cuộc

sống, nuôi dạy con chung nên thường xuyên cãi nhau, đến cuối năm 2021 vợ chồng ly thân cho đến nay. Sau đó, anh H1 sang định cư tại Hoa Kỳ và vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Xét thấy, hôn nhân giữa anh H1 và chị Q xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, không chăm sóc, không yêu thương nhau và đã ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Mặc khác, vào ngày 06/6/2022 chị Q có đơn khởi kiện và bản tự khai về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh H1, chị Q trình bày vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc và không thể hàn gắn, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2021, chị Q xác định không còn tình cảm với anh H1 nên yêu cầu được ly hôn với anh H1. Về con chung: chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Lâm Thiên N, sinh ngày 13/6/2019, chị Q không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung thì không yêu cầu giải quyết.

Xét thấy, anh H1 và chị Q đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho anh H1 được ly hôn với chị Q là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Hiện con chung do chị Q nuôi dưỡng, anh H1 đồng ý giao con chung tên Lâm Thiên N, sinh ngày 13/6/2019 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung tên Lâm Thiên N, sinh ngày 13/6/2019 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Lâm Vinh H1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 19; Điều 123, Điều 126 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lâm Vinh H1.

- Về hôn nhân: Cho anh Lâm Vinh H1 được ly hôn với chị Lê Thị Như Q.

- Về con chung: Giao con chung tên Lâm Thiên N, sinh ngày 13/6/2019, cho chị Lê Thị Như Q tiếp tục nuôi dưỡng, anh Lâm Vinh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lâm Vinh H1 có quyền và nghĩa vụ tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Anh Lâm Vinh H1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000442 ngày 18/5/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, anh Lâm Vinh H1 đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- Chánh án; 01
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 02;
- UBND huyện Châu Thành; 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 05.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tư